



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Quản trị nhà hàng (22625701)

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B301

Số SV có mặt: 21.

Số bài thi: 21.

Số tờ giấy thi: 21.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122260014	Châu Vĩnh An	10/06/2004	CCQ2226A	1	<i>for</i>	8,6	8,0	8,2	
2	2121270120	Nguyễn Tấn Anh	28/04/2003	CCQ2127D	1	<i>anh</i>	8,5	8,0	8,2	
3	2122270140	Ngô Thị Kim Cúc	26/02/2003	CCQ2227A	1	<i>Cúc</i>	8,5	7,5	7,9	
4	2122270065	Nguyễn Hà Minh Đức	22/05/2004	CCQ2227B	1	<i>Đức</i>	8,6	6,0	7,0	
5	2122270011	Bùi Hoàng Dung	14/12/2004	CCQ2227A	1	<i>Dung</i>	8,5	8,5	8,5	
6	2122270124	Đào Thị Hồng Gấm	13/03/2004	CCQ2227D			0,0			
7	2122270091	Phan Ngọc Quỳnh Giang	12/08/2004	CCQ2227C	1	<i>gang</i>	0,0	7,0	7,1	
8	2122260041	Trần Thị Thu Hà	05/10/2004	CCQ2226B	1	<i>hà</i>	6,1	4,0	4,8	
9	2122260112	Hồ Dạ Hào	22/05/2004	CCQ2226D	1	<i>hào</i>	7,3	9,5	8,6	
10	2122270085	Đinh Thị Ngọc Hậu	04/07/2004	CCQ2227C	1	<i>hậu</i>	7,2	2,0	4,1	
11	2122200002	Nguyễn Khánh Hiền	04/03/2003	CCQ2227A	1	<i>hiền</i>	8,5	7,0	7,6	
12	2122270075	Nguyễn Thị Hoa	24/05/2004	CCQ2227C			0,0			
13	2122270151	Trịnh Minh Khang	19/09/2004	CCQ2227E			0,0			
14	2122270134	Nguyễn Dương Kiệt	21/11/2004	CCQ2227C	1	<i>Kiệt</i>	7,2	9,0	8,3	
15	2122270118	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/04/2004	CCQ2227D	1	<i>Kiệt</i>	6,6	3,0	4,4	
16	2122270132	Châu Bội Linh	08/05/2004	CCQ2227A	1	<i>linh</i>	7,2	6,5	6,8	
17	2122270058	Châu Thị Hoài Linh	13/08/2004	CCQ2227B	1	<i>thlinh</i>	9,1	7,5	8,2	
18	2122270059	Đào Thị Thùy Linh	22/07/2004	CCQ2227B	1	<i>thlinh</i>	5,8	5,0	5,3	
19	2121260032	Trần Thị Ánh Linh	02/08/2003	CCQ2126A	1	<i>linh</i>	8,6	6,5	7,3	
20	2121260062	Bùi Thị Cẩm Loan	07/01/2003	CCQ2126B	1	<i>loan</i>	8,6	8,0	8,2	
21	2122270029	Nguyễn Gia Mẫn	05/05/2004	CCQ2227A	1	<i>Mẫn</i>	9,1	6,5	7,5	
22	2122260061	Võ Trà My	26/10/2004	CCQ2226B	1	<i>My</i>	6,1	5,5	5,7	
23	2122270057	Võ Thị Thu Nga	18/04/2004	CCQ2227B	1	<i>Nga</i>	9,1	8,5	8,7	
24	2122270048	Nguyễn Thanh Ngân	11/09/2004	CCQ2227B	1	<i>Ngân</i>	8,5	5,0	6,4	

Rất 4/42 ≈ 11%

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Quản trị nhà hàng (22625701)

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B302

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 2

Số tờ giấy thi: 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122270081	Trương Thị Thu	Ngọc	07/04/2004	CCQ2227C	ngoc	7,2	6,5	6,8	
2	2122270024	Bùi Thị Thảo	Nguyên	15/02/2004	CCQ2227A	thao	9,1	4,0	6,0	
3	2122260052	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	30/11/2002	CCQ2226B	thanh	8,6	7,5	7,9	
4	2122260139	Nguyễn Đăng	Nhật	03/10/2002	CCQ2227D	ngoc	7,2	7,0	7,1	
5	2122270157	Nguyễn Thị Yến	Nhi	02/04/2004	CCQ2227E	ynh	9,1	8,0	8,4	
6	2122260022	Trần Thị Hồng	Nhung	30/01/2004	CCQ2226A	nhung	6,1	8,0	7,2	
7	2122270063	Lê Thị Kim	Oanh	12/07/2003	CCQ2227B	Oanh	8,5	1,5	4,3	
8	2122270083	Lộ Thị Kim	Phương	05/09/2003	CCQ2227C	lu	5,3	5,0	5,1	
9	2122270062	Nguyễn Trọng	Quân	10/06/2004	CCQ2227B	Quân	9,1	5,5	6,9	
10	2122270130	Huỳnh Thị Diễm	Quỳnh	12/09/2003	CCQ2227D		0,0			
11	2122170022	Phạm Văn	Tài	04/04/2004	CCQ2227B	tau	9,1	7,0	7,8	
12	2121260070	Lê Thị Mỹ	Tâm	03/07/2003	CCQ2126B	Lam	6,1	9,5	8,1	
13	2122270007	Phan Thị Minh	Thư	15/10/2004	CCQ2227A	tho	8,5	6,5	7,3	
14	2122270076	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	19/02/2004	CCQ2227C		0,0			
15	2122270127	Vi Thị Phương	Thùy	14/05/2003	CCQ2227D	thuy	7,2	5,0	5,9	
16	2122260145	Đặng Thị Hồng	Tiên	23/04/2004	CCQ2226B	ty	8,6	9,5	9,1	
17	2121270054	Nguyễn Chánh	Tín	31/12/2003	CCQ2127B		7,3			
18	2122170596	Nguyễn Quốc	Tín	01/11/2004	CCQ2227E	Tin	9,1	7,5	8,1	
19	2122270030	Đỗ Nguyễn Hoa	Tĩnh	29/09/2004	CCQ2227A	tho	9,1	7,5	8,1	
20	2122270019	Trần Minh	Trí	19/02/2004	CCQ2227A	Tai	7,3	6,0	6,5	
21	2122260072	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/03/2004	CCQ2226C	thuc	8,6	8,0	8,2	
22	2122270069	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyến	31/05/2003	CCQ2227C	nguyen	7,2	6,5	6,8	
23	2121260052	Nguyễn Thị Bích	Xuân	12/11/2003	CCQ2126B	tho	8,5	8,5	8,5	
24	2122260016	Nguyễn Thị Kim	Yến	07/07/2004	CCQ2226A	tho	6,1	9,5	8,1	